

Bản án số: 32/2024/DS - ST.

Ngày: 29 - 3 - 2024.

“V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Rực.

2. Ông Trà Minh Châu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLST - DS, ngày 08 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là: Công ty); trụ sở chính: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Anh H, sinh năm 1997; địa chỉ: D L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo Quyết định số 289/2023/UQ-SVN ngày 01/10/2023) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị T, sinh năm 1986, địa chỉ: Số A, ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 27/12/2023, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay trình bày: Vào ngày 10/01/2023, bà Dương Thị T có đến chi nhánh T1 của Công ty cổ phần S Có Ngay, tại địa chỉ ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: TDM230101012NA17X được ký giữa các bên ngày 10/01/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1486728530 theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/thi> bà Dương Thị T cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô

hai bánh biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu: xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 Do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017. Để lấy số tiền là 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn đồng); thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 10/01/2023 - 10/01/2024) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho bà Dương Thị T. do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho bà T mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ 10/3/2023 đến 10/4/2023 địa điểm trả xe là tại chi nhánh T2 Bà Dương Thị T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, tính đến ngày 25/3/2023 bà Dương Thị T chỉ thanh toán được cho Công ty được số tiền gốc là 1.360.000 đồng và lãi 186.000 đồng. Từ ngày 26/3/2023 đến nay thì không thanh toán tiền gốc, lãi và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Dương Thị T tại địa chỉ: Số A, ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không có kết quả.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay là ông Võ Anh H thay đổi và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc bị đơn bà Dương Thị T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tính đến ngày 29/3/2024 với số tiền nợ gốc là 7.448.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/3/2024 là 1.139.000 đồng, bao gồm lãi trong hạn từ ngày 26/3/2023 đến ngày 10/01/2024 là 820.000 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 11/01/2024 đến ngày 29/3/2024 là 319.000 đồng, tổng cộng 8.587.000 đồng; không yêu cầu lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 30/3/2024. Xin rút lại yêu cầu phát mãi tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu: xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017; rút lại yêu cầu về khoản phí 3,5%/tháng và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

- *Đối với bị đơn bà Dương Thị T:* Quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng khác nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho họ được vì bà T đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho họ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:* Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đối với bị đơn bà Dương Thị T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 309, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Dương Thị T hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 29/3/2024 8.587.000 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 7.448.000 đồng, lãi là 1.139.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phát mãi tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu: xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 Do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017; rút lại yêu cầu về khoản phí 3,5%/tháng và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán do nguyên đơn **đã rút yêu cầu**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung khởi kiện, nguyên đơn Công ty yêu cầu bà Dương Thị T trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng cầm cố tài sản mà bà Dương Thị T ký kết nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn bà Dương Thị T cư trú tại ấp M, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn bà Dương Thị T từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà T nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T hai lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn bà Dương Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[3]. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc chỉ yêu cầu bị đơn bà Dương Thị T phải thanh toán một lần toàn bộ khoản nợ cho Công ty tính đến ngày 29/3/2024 với số tiền nợ gốc là 7.448.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/3/2024 là 1.139.000 đồng, bao gồm lãi trong hạn từ ngày 26/3/2023 đến ngày 10/01/2024 là 820.000 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 11/01/2024 đến ngày 29/3/2024 là 319.000 đồng, tổng cộng 8.587.000 đồng; không

yêu cầu lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 30/3/2024. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn tự nguyện xin rút lại yêu cầu phát mãi tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu: xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 Do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017; rút lại yêu cầu về khoản phí 3,5%/tháng và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận theo khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và đình chỉ giải quyết đối với những yêu cầu đã rút trên của nguyên đơn.

[5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Dương Thị T có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 7.448.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp cho Tòa án chứng cứ là hợp đồng cầm cố tài sản số: TDM230101012NA17X được ký giữa các bên ngày 10/01/2023 số đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: 1486728530 theo web <https://dktructuyen.moj.gov.vn/> và phụ lục hợp đồng và Công ty đã giải ngân số tiền 8.800.000 đồng chuyển cho người thụ hưởng là Dương Thị T, số tài khoản 070103602031 ngân hàng S1 Chi nhánh S2 với nội dung chuyển tiền cho khách hàng Dương Thị T; phiếu chi ngày 10/01/2023 số tiền 8.800.000 đồng có chữ ký của người nhận tiền là Dương Thị T và các giấy tờ khác có liên quan. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định với Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà T biết nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử khẳng định bà T đã vay và nhận đủ của Công ty số tiền là 8.800.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 25/3/2023 thì bà T trả cho Công ty được số tiền gốc là 1.360.000 đồng và tiền lãi là 186.000 đồng, từ đó đến nay bà T không trả tiền gốc và lãi cho Công ty N là vi phạm nghĩa vụ theo giao kết trong hợp đồng cầm cố, đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản và Điều 4 của phụ lục hợp đồng mà các bên đã ký kết, bà T là người có lỗi, là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Vì vậy, việc nguyên đơn Công ty yêu cầu bị đơn bà T phải trả cho Công ty số tiền vay gốc còn nợ 7.448.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại hợp đồng cầm cố tài sản số TDM230101012NA17X ngày 10/01/2023 được ký giữa Công ty và bà T đã giao kết mức lãi suất là 1,1%/tháng; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Do đó,

mức lãi suất của hợp đồng các bên đã ký kết là phù hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã giao kết. Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiếp dư nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng từ ngày 26/3/2023 đã vi phạm hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết, bị đơn là người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng nên phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Như vậy, bà T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền lãi theo giao kết của hợp đồng đến ngày 29/3/2024 với số tiền là 1.139.000 đồng (Trong đó lãi trong hạn từ ngày 26/3/2023 đến ngày 10/01/2024 là 820.000 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 11/01/2024 đến ngày 29/3/2024 là 319.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp với nội dung thỏa thuận về việc trả nợ gốc lãi, chuyển nợ quá hạn tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, bị đơn bà Dương Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn nợ là 7.448.000 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 29/3/2024 là 1.139.000 đồng (Trong đó: lãi trong hạn từ ngày 26/3/2023 đến ngày 10/01/2024 là 820.000 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 11/01/2024 đến ngày 29/3/2024 là 319.000 đồng), tổng cộng là 8.587.000 đồng. Do Công ty không yêu cầu bà T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 30/3/2024 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thống nhất trường hợp khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi phát sinh sẽ giao trả lại cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 Do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017 đối với xe mô tô biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048 đứng tên Dương Thị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu 429.350 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí **dân sự** sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 280, 309, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay.

1.1. Buộc bị đơn bà Dương Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/3/2024 với số tiền là 8.587.000 đồng, bao gồm tiền gốc là 7.448.000 đồng, tiền lãi theo giao kết trong hợp đồng đến ngày 29/3/2024 là 1.139.000 đồng (trong đó: Lãi trong hạn từ ngày 26/3/2023 đến ngày 10/01/2024 là 820.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 11/01/2024 đến ngày 29/3/2024 là 319.000 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Công ty cổ phần S Có Ngay có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Dương Thị T phải trả lãi cho Công ty cổ phần S Có Ngay đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1.2. Ngay sau khi bà Dương Thị T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có trách nhiệm trả lại cho bà T bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 Do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017 đối với xe mô tô biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048 đứng tên Dương Thị T.

1.3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mãi tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 83P3-239.26, loại xe Yamaha Janus màu: xám đen, số khung RLCSEC820HY043036, số máy E3Y8E043048; số Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 144085 Do Công an tỉnh S cấp ngày 16/9/2017; khoản phí 3,5%/tháng và phí theo dõi 300.000 đồng mỗi tháng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Dương Thị T phải chịu 429.350 đồng (Bốn trăm hai mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000599, ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo **quy định tại Điều 30 Luật** thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các bên đương sự;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Long Phú;

- Chi cục THADS huyện Long Phú;

- TAND tỉnh Sóc Trăng (**P.KTNV&THA**);

- Lưu hồ sơ vụ án.

